

**CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ Bùn CÁI MÉP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ Bùn CÁI MÉP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAI MEP SLUDGE TREATMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502455084

**3. Ngày thành lập:** 19/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Quốc lộ 51, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0989115202

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Thoát nước và xử lý nước thải<br>Chi tiết: Xử lý bùn, tái xử lý bùn; Thoát nước và xử lý nước thải                                        | 3700(Chính) |
| 2.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                            | 3811        |
| 3.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                  | 3812        |
| 4.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                  | 3821        |
| 5.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                        | 3822        |
| 6.  | Tái chế phế liệu<br>( không bao gồm tái chế các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);                                          | 3830        |
| 7.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                         | 3900        |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Nạo vét sông, suối, biển, kênh , mương, cầu cảng;<br>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390        |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                           | 4312        |
| 10. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                             | 0892        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                         | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                   | 4102        |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                              | 4212        |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                  | 4221        |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                       | 4222        |
| 16. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                        | 4223        |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                         | 4229        |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                  | 4291        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                         | 4292 |
| 20. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                   | 4293 |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu đô thị                                                                                           | 4299 |
| 22. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                          | 7730 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                 | 4663 |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình                                                                                                                                                         | 4330 |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                   | 4321 |
| 27. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh ( thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy sản) | 4322 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                          | 4329 |

**6. Vốn điều lệ:** 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức             | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN THÀNH<br>TRUNG | Số 176/239 Lê<br>Lợi, Phường Lê<br>Lợi, Quận Ngô<br>Quyên, Thành<br>phố Hải Phòng,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.600.0<br>00 | 36.000.000.000           | 60,000       | 0310790004<br>30                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                | Tổng số                            | 3.600.0<br>00 | 36.000.000.000           | 60,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHÙNG THỊ<br>THANH  | Thôn Xích Thổ,<br>Xã Hồng Thái,<br>Huyện An<br>Dương, Thành<br>phố Hải Phòng,<br>Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.200.0<br>00 | 12.000.000.000           | 20,000       | 0311560001<br>72                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                | Tổng số                            | 1.200.0<br>00 | 12.000.000.000           | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                       |                                                                                                              |                                    |               |                |        |           |  |
|---|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|-----------|--|
| 3 | TRẦN THỊ<br>THÙY LINH | Số 16/60 Nguyễn<br>Hồng Quân,<br>Phường Thượng<br>Lý, Quận Hồng<br>Bàng, Thành phố<br>Hải Phòng, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.200.0<br>00 | 12.000.000.000 | 20,000 | 031673881 |  |
|   |                       |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |           |  |
|   |                       |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |           |  |
|   |                       |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |           |  |
|   |                       |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |           |  |
|   |                       |                                                                                                              | Tổng số                            | 1.200.0<br>00 | 12.000.000.000 | 20,000 |           |  |
|   |                       |                                                                                                              |                                    |               |                |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THÀNH TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031079000430

Ngày cấp: 09/03/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 176/239 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 176/239 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu